TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 09- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Bà Ngô Thị Ân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh K, vắng mặt chị T (Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/09/2010 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc, hòa thuận thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không có

tiếng nói chung, tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài thường xuyên cải vã. Tình trạng hôn nhân mâu thuẫn kéo dài dẫn đến mệt mỏi và chán nản. Chị và anh K đã sống ly thân 02 năm. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn K.

Về con chung: Vợ, chồng có có 03 con chung là cháu Lê Duy L, sinh ngày 16/03/2011, Cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 26/5/2016 và cháu Lê Anh Q, sinh ngày 12/7/2021. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh T1 và cháu Lê Anh Q, giao cháu Lê Duy L cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án vả tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/09/2010 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 11 năm và cũng không xảy ra mâu thuẫn như chị T đã trình bày. Đến đầu năm 2021 chị T có xin về nhà ngoại ở tỉnh Hòa Bình chơi, anh đồng ý. Sau khi chị T về nhà ngoại ở Hòa Bình thì ở luôn và không quay về chung sống với anh nữa. Sau đó anh có liên lạc nhiều lần với chị T để khuyên chị T về ở cùng nhau để bảo ban nuôi dạy con cái nhưng không được. Kể từ đó vợ, chồng sống ly thân với nhau. Đến nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ, chồng có có 03 con chung là cháu Lê Duy L, sinh ngày 16/03/2011, Cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 26/5/2016 và cháu Lê Anh Q, sinh ngày 12/7/2021. Nếu vợ, chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh T1 và cháu Lê Duy L, giao cháu Lê Anh Q cho cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Lý do anh có yêu cầu như trên là vì Từ nhỏ, cho đến khi vợ chồng ly thân đến nay cháu L và cháu T1 vẫn ở với anh được anh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, còn cháu Q từ khi vợ, chồng ly thân thì ở với chị T. Do đó để tránh ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên anh có yêu cầu như trên. Hiện nay anh có công việc ổn định thu nhập tốt nên anh có đủ điều kiện để nuôi hai con mà không cần chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Lê Văn K. Về con chung: Giao cháu Lê Anh Q, sinh ngày 12/7/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Duy L, sinh ngày 16/03/2011 và Cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 26/5/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Lê Văn K. Anh K cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/09/2010 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống. Chị T và anh K đã sống ly thân 02 năm nay. Đến nay, chị T và anh K đều yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Lê Văn K là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Duy L, sinh ngày 16/03/2011, Cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 26/5/2016 và cháu Lê Anh Q, sinh ngày 12/7/2021. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu Q, giao cháu L cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu T1, giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của các con, cháu L và cháu T1 có nguyện vọng được ở với bố. Xét yêu cầu của chị T và anh K là chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên, từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu L và cháu T1 ở với bố và được bố trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Q ở với mẹ. Nguyện

vọng của cháu L và cháu T1 cũng muốn được ở với bố. Để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, tốt nhất.Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu L và cháu T1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau theo yêu cầu của anh K là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Duy L, sinh ngày 16/03/2011 và cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 26/5/2016 cho anh Lê Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Anh Q, sinh ngày 12/7/2021 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn K có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002361 ngày 05/8/2024. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị T, có mặt anh Lê Văn K. Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi

Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Định, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải